

## Về Thăm Chốn Cũ

*Cẩm Tú Cầu, K 18/1*

**M**ột chiều cuối thu, mây trôi lơ lửng, mưa nhè nhẹ giăng buồn, anh đi trên con đường đến trại giam Đồng Sơn, nơi mà cách đây ba mươi ba năm anh đã từng ở. Ngày ấy anh đi vượt biên bị bắt rồi đi tù. Cuộc sống trong tù thật cơ cực, đúng là người ta thường nói ‘nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại’. Thời gian ba năm anh tưởng chừng dài như ba thế kỷ.

Con đường vào trại, ngày xưa đầy sỏi đá lởm chởm quanh co chẳng có bóng cây nào, giờ đây thông reo vi vu, keo lá tràm xanh ngắt, tỏa bóng mát ngập tràn hai bên đường. Chính giữa con đường nhựa đen muốt, giáp với con đường Trường Sơn có tấm bảng đỏ chữ vàng đề ‘Trại Giam Đồng Sơn’. Anh tìm vào đến tận cổng và xin được vào thăm chốn xưa nhưng người gác phía trước không cho vào và cũng không cho chụp hình. Anh đứng bần thần nhìn lại nơi anh đã từng ở ba năm. Ba năm gian khổ đi chặt cây, phát rẫy trong rừng sâu, làm lụng vất vả, cuộc đất trồng sắn trồng khoai, bữa ăn chỉ có vắt bột sắn mà bẻ ra bên trong toàn phân chuột đen thui như có hạt đậu đen. Khẩu phần một tù nhân chỉ có bốn cân lương thực một tháng.

Anh vẫn cố gắng sống, lao động để hy vọng, để đợi chờ một

ngày anh mãi hạn ra tù anh trở về cùng gia đình. Núi rừng nơi đây đã in dấu chân anh, sỏi đá nơi đây đã chia xẻ những nhọc nhằn gian khổ cùng anh. Bầu trời nơi đây, mây trắng nơi đây đã hòa cùng hơi thở của anh. Anh lang thang tìm lại dấu vết khổ nhọc của mình ngày xưa. Xa rồi, tất cả đã xa rồi, những ngày khủng khiếp đã qua. Anh đưa cặp mắt già nua kiếm tìm, mơ hồ những ngày gian khổ như rất gần, rất gần và như mới đây đây thôi. Anh nhìn bầu trời lãng đãng. Vài cụm mây trắng trôi về nơi vô định, để lòng buồn nhớ về những ngày xa xưa, những ngày đã in đậm vào trái tim, vào tâm trí anh.

Anh nhớ lại những ngày đầu mới bị đưa đến đây anh đã mừng rỡ vì anh vừa ở trong khu biệt giam lao Thừa Phủ ở Huế ra. Ở trong đó suốt ngày không thấy ánh sáng, chỉ trừ những lúc đến phiên anh đi đổ thùng phóng uế, những lúc ấy cũng vội vã không dám chần chờ. Giờ ra đây, anh được hít thở khi trời trong xanh, còn công việc lao động thì quá bình thường đối với anh, sau biến cố 75. Ngày 30 tháng Tư, anh và các đồng đội tức trời buông súng, là định mệnh cuộc đời đã thay đổi số phận của, toàn cõi đất nước miền Nam Việt Nam dấu yêu.

Anh đã trải qua năm năm vất vả, làm ruộng, chế biến mì sợi, xay ngô... nên đã quen đi phần nào. Anh nhớ có lúc anh bị sạn thận hành hạ đau buốt, rồi lại bị một cái mụn đồng đàn thật to giữa bụng, đón đau quặn quại giữa một nơi gần như đơn độc của kiếp tù đầy. Có những lúc anh tưởng như mình không thể nào vượt qua được nỗi đau của thể xác và tinh thần, những ngày gian lao cực nhọc. Cũng may đau ốm rồi cũng qua, trong nỗi lo sợ phập phồng, trong niềm đắng cay, tủi cực. Anh tồn tại được trong hoàn cảnh đó là nhờ hình bóng cha mẹ già, người vợ thân yêu, và đàn con nhỏ đại đang chờ anh trở về...

Rồi anh tất tả lái xe về hướng Nam, ghé Tam Kỳ. Anh hỏi thăm đường lên Kỳ Sơn, nơi mà cách đây 38 năm anh bị tập trung lao động vất vả vì anh là sĩ quan của quân đội VNCH.

Qua bao tháng năm mọi vật đã đổi thay đến không ngờ, con đường này ngày xưa đòi dốc quanh co, lội suối băng rừng bây giờ được đúc bê tông rộng thênh thang trắng lóa. Băng ngang những con suối đã có cầu kang trang, hai bên đường được trồng hai dãy keo lá tràm mát rượi, rải rác có nhà dân ở. Anh phóng mắt tìm lại chôn xưa không còn dấu tích. Tất cả đều xa lạ mới mẻ đến không ngờ. Trại tù Kỳ Sơn đã được xóa bỏ, đã dời về Tiên Lãng từ cuối năm 1976, một nơi xa thẳm tận rừng sâu. Anh nhìn về hướng dốc Ba Hương. Cái dốc mà muốn lên đến đỉnh dốc phải tàn ba cây nhang. Nơi ấy ngày xưa anh cố gắng lắm mới lên đến đỉnh dốc hụt cả hơi, vai vác hơn mười hom sắn mà như vác cả giang sơn, nặng không bút nào tả nổi.

Còn những lần anh đi làm trong rừng bị vắt cắn máu nhỏ xuống từng giọt, từng giọt trên đoạn đường anh bước, lúc ấy anh thầm nghĩ đến câu hát, *‘máu thấm đường ta đi, lẫn mồ hôi rơi, tình yêu tha thiết, ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình.’* Anh bỗng nghĩ đến cái chết của một người bạn ở khóa đàn anh. Sáng hôm ấy là ngày Chủ Nhật, vợ anh ấy lên thăm không biết cậu vệ binh nói gì mà anh ấy chụp cổ áo của vệ binh và trạc ngực áo mình ra giằng giữ nói:

- ‘Ngực tao đây có giới thì bắn đi. Chớ đừng làm nhục tao trước mặt vợ tao.’

Vậy là sáng hôm sau trong giờ đi làm rừng, anh ấy bị bắn chết với tội danh trốn trại. Cái chết của niên trưởng đã làm cho tâm hồn anh xao xuyến hoang mang, ngậm ngùi rơi nước mắt, ám ảnh anh mãi mãi, chẳng thể nào nguôi ngoai. Bây giờ nhớ lại anh vẫn thấy con tim đau nhói. Buổi sáng hôm ấy là thứ Hai nắng vẫn đẹp, đám tù nhân đang cặm cụi làm việc phát quang làm rẫy bỗng nghe hai phát súng nổ chát chúa. Mọi người dừng tay quay lại. Ai nấy chết lặng, bàng hoàng. Anh ấy nằm đó không còn cử động, đã trút hơi thở cuối cùng. Các bạn tù đưa anh về trại, ghép tạm mấy miếng ván làm quan tài, không có cơm xông đầu, không có khói nhang, không có đám ma, im lìm lặng lẽ. Nhưng trong lòng bạn tù, bạn đồng đội, ai

cũng thấp lên nén tâm hương, mà nén tâm hương ấy cháy mãi không bao giờ tắt, không bao giờ biến tan.

Hôm sau, nơi anh ấy ra đi, trời đang yên lặng bỗng nổi lên một vùng gió xoáy, xoáy tròn, rồi tụ lại ngay nơi anh ngã xuống. Các anh trong lán hết hồn và lâm râm khấn vái hương hồn anh có linh thiêng hãy về với vợ, với con của anh.

Hôm sau một con rắn to khoanh tròn ngay chỗ anh ấy nằm trong lán. Khi các tù nhân vội đuổi nó vào rừng sâu, nó lẩn vào trong đám tranh. Ai cũng nghĩ đó là anh linh của Trung Tá Võ Vàng, một người xông pha nơi trận tuyến, giờ đây chết oan ức, tức tưởi giữa núi rừng, chết bất ngờ không nói được lời nào.

Hai ngày sau vợ anh mới biết được, lên ôm ngôi mộ đất còn mới khóc ngất, khóc rất thảm thiết, khóc đến rã rời, đôi mắt sưng vù làm cho các tù nhân ai thấy cũng mũi lòng không cầm được nước mắt. Ai cũng cảm thông, cũng biết trong trái tim chị ẩn chứa một nỗi đớn đau vô cùng tận, nỗi cô đơn, mất mát vô bến bờ.

Rồi đến cái chết của một bác sĩ mà anh không nhớ tên. Người này tự tử, vì vợ con anh quá thiếu thốn khiến anh quá đau lòng. Rồi đến cái chết của một bạn Công Binh vì lặn xuống suối lượm trái lựu đạn không nổ, nhưng khi anh ấy đụng vào thì nó nổ. Những cái chết đã làm cho trái tim anh đau đớn, nát tan.

Anh còn nhớ đến một cán bộ quân giáo, đã kể câu chuyện tình của anh ta cho anh và các tù nhân nghe. Anh ta kể là ngày ấy anh ta bị thương cũng ở gần vùng này, đã chạy vào nhà dân trong nhà có cô thôn nữ. Mẹ già cô ấy đã lấy cái lu úp lại đầu anh ta, sau chăm sóc vết thương cho anh ta bảy ngày. Tình cảm thấm thiết nảy sinh giữa hai người. Anh ta hứa hẹn ngày hòa bình sẽ trở về nối nhip cầu duyên cùng ân nhân cứu mạng. Nhưng hòa bình lập lại, anh ta không giữ lời hẹn ước vì cô ấy là thôn nữ mộc mạc, chất phác, nghèo. Anh ta còn phán một câu:

- ‘Ngu gì, về Đà Nẵng kiếm một cô thời trang, đẹp, và giàu. Chứ cô ấy xấu quá, quê mùa quá.’

Anh nghe mà bàng hoàng ngớ ngẩn, cảm thấy thương cho cô gái và đánh giá lòng dạ con người đầy tráo trở, bạc tình... Anh nghĩ mà thương cho cô gái quá chừng.

Một lần anh nghe vợ anh kể:

- Cũng anh ta hay ra la cà nói chuyện cùng các vợ cựu sĩ quan. Anh ta nói mấy thằng ‘ngụy’ sướng, có vợ đẹp và rất chung tình. Đem chồng nó đi đâu nó cũng tìm đến. Không cho nó thăm, nó khóc ngời ì mãi. Mà cho nó thăm, nó về kéo lũ này đến lũ khác đến thăm. Còn ở miền Bắc chồng đi vào Nam mấy năm cũng không gửi một cái thư, nếu có chỉ là những lời động viên hoàn thành nhiệm vụ trên giao...

Anh ta ngời kể cùng các cô vợ đi thăm chồng rồi cười thích thú.

Bỗng anh nghĩ tình yêu là nỗi nhớ trong sâu thẳm trái tim của mình. Tình nghĩa vợ chồng là những gì gắn bó keo sơn, ràng buộc bởi tình yêu, bởi con cái, bởi gia đình. Anh băng khuâng nhìn về phía núi rừng xa xa lòng mang nhiều u uẩn

Anh nhớ có lần anh đi phát quang cho đoàn địa chất, họ lên để khảo sát mỏ vàng Bồng Miêu. Hai bên đường cây cối um tùm, dây leo chằng chịt, bít kín con đường và các hầm lò của mỏ vàng. Đám tù nhân làm từ sáng đến trưa. Anh đem theo lon guigo và nấu một lon chè đậu đen với đường đen. Vị ngọt thấm vào cổ, khiến anh có cảm giác như từ lâu lắm rồi mình chưa được thưởng thức một hương vị nào đậm đà ngon ngọt như hôm ấy, anh thấy lòng mình khoan khoái. Rồi anh nghĩ đến kiếp tù đầy không biết ‘tốt’ đến đâu để được về với gia đình vợ trẻ con thơ. Nghĩ đến đây lòng anh bỗng chùng xuống, rồi vỡ òa với bao nỗi đau xót bất an.

Có những đêm trăng, nằm trong lán trại tù, nhìn qua khe hở của chiếc cửa sổ, anh thấy thèm tự do, thèm được ngắm trăng, thèm gia đình, thèm đón những con gió làm lay động

ánh trăng. Anh nhớ đến đôi mắt của đứa con gái út có rèm mi dài cong vút và đứa con gái kế đẹp như thiên thần nhỏ. Anh ước ao được sớm trở về, trong lòng rung rung niềm im lặng mênh mê

Rồi anh nhớ đến mẹ, người mẹ một đời tảo tần nuôi anh ăn học đến khôn lớn, cưới vợ cho anh, mà anh chưa kịp đáp đền. Những năm anh ở Kỳ Sơn, mẹ anh thường đến thăm anh. Mẹ bới cho anh một lon cá bống kho tiêu mà anh để dành ăn dần suốt cả tuần chẳng bị ôi thiu. Người mẹ già hai tháng một lần vượt một quãng đường dài, từ Huế vào Kỳ Sơn, lên đèo xuống dốc, lụm cụm bới xách cho anh. Rồi khi anh ở tù trại Đồng Sơn, mặc dù con đường từ ga xe lửa đến trại rất xa, mẹ vẫn vượt một quãng đường dài sỏi đá lờm chờm rất khó đi với đôi chân già nua yếu đuối vẫn đến thăm anh, bới xách cho anh. Giờ đây người không còn nữa, người đã về bên tổ tiên, ông bà. Bà đã vĩnh viễn ra đi,

*Mẹ ơi! Dưới lòng đất sâu mẹ có còn nhớ đến con trai của mẹ không? Trong cõi vô hình, ba mẹ có hạnh phúc không?*

Anh mơ được còn mẹ để được cầm bàn tay run run xương xẩu của mẹ áp vào đôi tay nóng ấm của mình mà thấy lòng tràn ngập yêu thương.

Nghĩ đến đây anh nghe lòng mình chìm đắm trong nỗi xót xa, thương nhớ mẹ vô ngần.



# TRONG LAO TÙ CỘNG SẢN

*Kiều Công Cự, K22*

*(Tiếp theo)*

***Trên đường ra Bắc (5/1977)***

Tôi không nhớ chính xác cái ngày chúng tôi xuống tàu, nhưng vào khoảng tháng 5/1977. Địa điểm tập trung thì rất quen thuộc. Từ trại Tân Hiệp đoàn xe chạy về hướng Biên Hòa, thẳng ra xa lộ rồi chạy về hướng Nam. Khi đến cầu Sài Gòn thì quẹo trái và tập trung ở bến cảng. Đó là bến tàu Tân Cảng (New port) dưới chân cầu Sài Gòn, là địa điểm bốc dỡ tiếp liệu của quân đội Mỹ trước đây. Thời gian xuống tàu là nửa đêm. Phương tiện chuyên chở là những chiếc tàu hàng hoặc chở gạo mà chúng tịch thu ở Kho 5 bên Khánh Hội. Lòng tàu dài 25m rộng 10m cao 5m. Chúng dùng một cái thang để đưa người xuống bên dưới. Đến người cuối cùng thì chúng kéo thang lên. Chỉ có một lỗ thông hơi duy nhất ở ngay trên được đẩy lại bằng một tấm lưới mắt cáo.

Tôi không biết có khoảng bao nhiêu người được nhốt vào đây, nhưng dứt khoát là không thể nằm và ngồi thoải mái được. Không khí trong khoang tàu rất ngột ngạt và khó thở. Trong đợt chuyển tù ra Bắc năm 1976, Trung Tá Nguyễn Văn Nhiều, Khóa 15 Đà Lạt, Trưởng Phòng Tư Sư Đoàn TQLC đã tự sát vì uống nhiều viên thuốc sốt rét Chloroquin trên con tàu

chở hàng có tên là Sông Hương như thế này.

Cái bưng mắt cáo lại được mở lên, cái thang sắt được thòng xuống. Mọi con mắt đều ngược nhìn lên. Chúng nhét thêm hai người xuống nữa. Hai người này hành lý rất gọn gàng. Chỉ có một cái ba lô lép xẹp sau lưng. Một trong hai người có nụ cười làm cho tôi thấy ngỡ ngợ. Cho đến khi hắn đặt chân xuống sàn tàu thì tôi đã kêu lên:

- Ê, Xường lại đây!

Xường cũng nhận ra tôi. Người bạn đi cùng với Xường cũng mỉm cười với tôi. Chúng tôi ba người chiếm một cái góc nhỏ trong xó tàu.

Đoàn Văn Xường là bạn cùng Khóa 22 Đà Lạt, ra trường chọn Lực Lượng Đặc Biệt, Liên Đoàn rồi cuối cùng về BĐQ biên phòng. Còn người bạn là Bùi Quang Thắng, đại úy cũng BĐQ. Xường kể cho tôi nghe:

- Hôm chuyển lên Long Giao thì tao với thằng Thắng dợt liễn. Ra khỏi trại ngon ơ. Định dợt lẹ ra đường cái thì không ngờ gặp mấy thằng du kích. Tụi này dữ quá, chúng nó còng tay và trả lại cho trại. Chúng nó đập cho một trận tương tiêu rồi, rồi chúng nhốt vào conex cho đến bây giờ.

Ra ngoài Bắc coi bộ yên yên là tao cũng đông. Nhất định không ở với tụi này. Chết thì bỏ. Cứ coi như mình đã chết rồi.

Cả hai người bị nhốt, bị đánh đập, bị còng tay xích chân hơn một năm, chỉ còn da bọc xương, nhưng tinh thần vẫn cứng cỏi, nụ cười vẫn chưa tắt.

- Mà có gì cho hai đứa tao ăn đi.

Dĩ nhiên là có rồi. Nhìn hai người bạn ngồi ăn mà ứa nước mắt. Có bao giờ con người bị đẩy vào tình trạng đói khổ cùng cực như thế này đâu.

Tàu bắt đầu chạy. Bây giờ khoảng 3, 4 giờ sáng.

Chúng tôi ngồi chuyện trò cho đến sáng. Tia nắng đang



chiều theo hướng tây bắc - đông nam. Chắc tàu còn đang chạy trên sông Sài Gòn. Chúng tôi không có ảo tưởng con tàu sẽ xuôi về hướng Nam. Nhưng vài người cũng nói đùa:

- Chúng đem mình ra nhốt ngoài chuồng cọp Côn Đảo đây.

Chúng mở cái bưng và nằng ủa vào chan hòa. Vẫn còn hơi lạnh buổi sáng nên còn dễ chịu. Chúng thông dây đưa mì gói và nước lạnh xuống. Nhưng cái thùng phân và nước tiểu ở góc phòng thì chúng không chịu kéo lên mặc dù đã gần đầy. Chúng tôi yêu cầu nhiều lần nhưng chúng cứ lờ đi. Nắng càng lên trời càng nóng hầm hập. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Đã có người ngất xỉu. Đến ngày thứ hai đã có người chết. Chúng tôi yêu cầu đưa cái xác chết lên thì chúng bảo chờ lệnh. Chỉ có xác chết được nằm thoải mái còn chúng tôi thì ngồi bó gối. Trong kinh thánh địa ngục là nơi có nghiền răng và khóc lóc. Còn ở đây thì chúng tôi có khốn khổ và căm giận vô cùng. Cũng chẳng dám ăn uống. Chỉ sợ thức ăn vào thì cái ruột già tống ra. Lại phải làm cái công việc hôi hám mà bị chúng chửi thì phiền quá.

Chỉ có thằng Xường và thằng Thắng thì ăn uống tinh bơ. Xường nói:

- Tụi tao bị nhốt dưới hầm, ỉa đái tại chỗ. Hừi cứt cả năm quen rồi. Mọi việc cứ xài bịch nylon rồi dùng dây thun cột kỹ lại. Phải biết *sáng tạo cách mạng* chứ. Hôm nó kêu ra còng tay dẫn đi, tưởng nó đem đi bắn. Không ngờ nó đưa lên xe bít bùng rồi chở lên đây. Ít nhất trong cái địa ngục này cũng còn ngộ nguậy được. Chứ ở dưới hầm a tỳ đó ngồi cũng không được, mà nằm cũng không được. Thậm chí muốn đập đầu tự tử cũng không được.

Thắng cũng thêm vào:

- Tụi nó dùng mấy cái cùm, cái gông từ thời trung cổ.

Tôi hỏi Xường:

- Thế mày ón chưa?

- Ổn mẹ gì. Có dịp là tao tung cánh đại bàng.

Xường đã giữ đúng ý định đó. Năm 1982 khi từ Bắc về trại Thanh Chương - Nghệ Tĩnh, Xường và vài người bạn đã bỏ đi. Hơn 10 ngày sau bị bắt lại và bị bọn công an của chế độ đánh đập đến chết. Hôm gặp nhau ở Sở Xã Hội Orange County, Nguyễn Văn Xuyên, người bạn cùng trốn trại, đã kể cho tôi nghe. Xường là loại người thứ hai mà tôi đã nói trong phần tổng kiểm thảo. Loại người không chấp nhận chế độ và đã chết trong oanh liệt.

Trong quyển Lưu Niệm của Khóa 22 có ghi: Đoàn Văn Xường, sinh ngày 12/5/1945 tại Long Đức, Trà Vinh. Xường cũng đã ghi lại những dòng này:

*“Thích đó đây nên vào quân đội: Thấy hợp. Nhận xét: Quân đội đào tạo chúng ta thành người có trách nhiệm và cương quyết.”*

Thôi cũng yên rồi phần mày, nghe Xường.

### ***Đất nước “xã hội chủ nghĩa” Vùng phía Bắc cảng Hải Phòng.***

Hình như tàu chạy được năm đêm bốn ngày suốt cái đoạn đường từ Sài Gòn ra Hải Phòng. Tàu bỏ neo vào buổi chiều. Ánh nắng của ngày chưa tắt. Nhưng phải đợi đến tối mịt chúng tôi mới có lệnh rời tàu. Hai cái chân tê cứng. Cả người ê ẩm. Tôi được Xường và Thắng san sẻ gánh nặng nên cũng đỡ vất vả. Chúng tôi bị quáng mắt vì những ánh đèn pha chia thẳng vào. Chó và bọn công an; bộ đội và đám du kích dàn chào đám người mệt mỏi, rã rời này. Năm ngày đêm khốn khổ, cái bọng đá căng cứng được xổ ra thật là khoan khoái vô cùng.

Mọi người được lãnh một nắm cơm trong lá chuối, một con cá khô mặn và một trái dưa leo nhỏ. Tôi chưa bao giờ trong đời được một bữa ngon miệng như thế!?! Nhưng nếu được hai phần như thế nữa mới đây được cái bao tử. Mấy ả du kích mang súng CKC, kiêng những thùng nước trà nóng và luôn

miệng phát loa:

- Chào mừng các anh đến đất nước ”xã hội chủ nghĩa”.

Có người hỏi:

- Đây là thành phố nào, hả cô?

- Thành phố cảng Hải Phòng đó anh. Cô nói, mặt nhìn thẳng có vẻ rất hãnh diện.

Anh chàng kia cũng nhìn cô, vẻ mặt cũng buồn buồn:

- Thế à! Quê tôi mà tôi cũng nhận không ra.

Tôi lợi dụng lúc này để duỗi hai chân, rồi ngả người lên bãi cỏ, đầu kê lên ba lô. Bầu trời đầy sao. Không khí ban đêm thật là mát lạnh. Ước chi được ngủ một giấc trong trạng thái bình yên này. Nhưng tiếng sủa của mấy con chó, tiếng còi của đám bộ đội ra lệnh cho chúng tôi di chuyển về phía trước. Một đoàn tàu đã chờ sẵn.

Đúng là tàu dùng để chở súc vật và chở than nên vẫn còn phân khô, rơm rạ, và than đá. Những người tù bị nhồi nhét lên những toa tàu. Đồ đạc linh tinh. Người trước kéo người sau. Đám công an thì hò hét. Như những bầy thú vật bị đẩy lên toa tàu. Như những người Do Thái bị đưa đến lò sát sinh của Đức Quốc Xã. Chúng tôi không biết mình là ai? Con vật hay con người? Trước hoàn cảnh này. Rồi cánh cửa sắt được đóng lại. Bên trong tối om. Những thân xác mệt mỏi, rã rời và phờ phạc. Đoàn tàu di chuyển suốt đêm. Chắc nhà thơ Tô Thùy Yên cũng đã ngồi trên con tàu này nên đã ghi lại những câu thơ sau đây:

*Tàu đi như một con diên đảo,  
Sắt thép kinh hoàng va chạm nhau.  
Ta tưởng nghe chình đời đại động,  
Xô đi âm ỉ một con đau.  
Ngồi đây giữa những phân cùng bụi,  
Trong chuyến đời xô xác bạo tàn  
Ta trở thành than, thành súc vật,*

*Tiếng người e cũng đã quên ngang.*

Tôi ngồi bên anh chàng Bắc Kỳ già Nguyễn Văn Long, Đại Úy Phân Chi khu Trường Phường 13, Quận 10. Anh chàng cho tôi biết đoàn tàu đã đi qua Uông Bí, Đông Triều, Vĩnh Yên, Việt Trì; đến trưa thì con tàu dừng lại ở Phú Thọ, nhưng nơi đây không phải là ga mà là nơi gặp gỡ con đường sắt và con đường trải nhựa đường cũ kỹ. Chúng tôi rời tàu, theo con đường thoai thoải dẫn xuống phà sông Thao để qua tả ngạn sông Hồng.

### *Thăm cảnh trên đường xuống phà sông Thao.*

Buổi trưa tháng Năm, nắng như đổ lửa. Đám tù mệt mỏi, bản thủ, lếch thếch, gồng gánh men theo hai bên đường. Dân từ những căn nhà túa ra nhìn chúng tôi như những con vật thời tiền sử. Họ chỉ chỏ rồi chửi rửa. Tại một khoảng đường hẹp, một tấm biểu ngữ màu đỏ như máu, có ghi một dòng chữ màu vàng. Tôi chưa kịp đọc những chữ ghi trên đó thì đã có tiếng hò hét khích động từ một cái loa cầm tay:

- Giết chết bọn nguy ác ôn.

- Ném đá chúng đi...

Chúng tôi hoàn toàn bất ngờ và không có một phản ứng nào hết.

Lúc đầu một, hai cục đá. Rồi tiếng hò hét, khích động. Những cục đá ném ra càng lúc càng nhiều. Đa số bỏ hết đồ đạc chạy xuống phà. Một số người già yếu không chạy kịp vấp té nằm sóng soài tại chỗ. Họ đã bị những cục đá đầy ác ý nhắm vào đầu, vào mặt. Máu đã đổ ra. Dân chúng đã trở thành những con thú hung hăng, thềm máu tươi đồng loạt. Chúng ủa xuống đường vung tay vung chân đá; miệng không ngừng phun ra những lời thô tục, nặng nề. Lúc đầu bọn vệ binh đưa mắt nhìn thích thú đồng lõa. Sau đó tên chỉ huy mới ra lệnh can thiệp. Chúng bắn chỉ thiên và đẩy lùi đám dân về sau. Xét cho cùng đây là một việc làm có tổ chức nằm trong

chính sách của chúng.

Lần đầu tiên trong đời tôi biết thế nào là kinh hoàng, thế nào là căm thù và hèn hạ. Đó không phải là hành động bộc phát của người dân mà đó là chủ trương và đường lối của những tên lãnh đạo. Thật là đáng buồn cho những người cùng máu đỏ, da vàng mà đối xử với nhau như những người mất hết nhân tính. Chủ nghĩa Cộng Sản như một con quái vật của thời đại. Những tên cuồng sát như Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh đã bước lên bao xác người và đã gây ra biết bao thảm cảnh cho nhân loại vì đã uống máu của chính đồng loại mình.

Đất nước VN chúng ta không có may mắn. Nếu đừng có Hồ Chí Minh và tập đoàn đồ tể miền Bắc thì đâu có cái cảnh máu đỏ và ô nhục ngày hôm nay.

Qua khỏi bến phà thì chiều tối, chúng tôi được lệnh dừng chân ngủ đêm tại một khoảng đất trống bên đường. Thật là bất ngờ tôi gặp lại Lý Bửu Truyền, Trung Úy An Ninh Quân Đội, em bạn dì của vợ tôi. Chúng tôi rất thân nhau. Gặp nhau trong hoàn cảnh này lại càng thân thiết hơn. Đêm đó hai anh em nằm gần nhau, tâm sự đến khuya, khi mệt quá mới lăn đùng ra ngủ. Tôi rất hy vọng hai anh em được ở chung trại. Truyền mới cưới vợ thì vào tù. Tội nghiệp, ba Truyền là người Quản Lý nhà hàng Soái Kinh Lâm ở Chợ Lớn. Trong đợt đánh tư sản năm 1976, nhà hàng phải hiến cho bọn chúng. Chủ nhân ra đi năm 1978 theo diện những người Việt gốc Hoa đóng mỗi người 15 cây vàng cho VC và ra đi. Chúng muốn diệt hết thành phần tư sản ở miền Nam để đồng hóa tất cả là bản có nông như miền Bắc và lệ thuộc hoàn toàn vào cái tổ chức gọi là “xã hội chủ nghĩa”.

Dượng Tư đã mất đi phương kế sống cho gia đình, nên phải bán dần đồ đạc trong nhà để sống. Hai người con trai là Lý Bửu Truyền và Lý Nghiệp Truyền (Thiếu Úy Biệt động quân) vào tù. Một vài năm sau Dượng chết, Di Tư phải đi

bán từng cái bánh ít để nuôi con. Gia đình tan nát. Đó là thảm cảnh của nhiều gia đình ở miền Nam VN. Đó cũng là ý đồ và chủ trương của đám lãnh đạo miền Bắc. Nhưng người miền Nam đã không cam phận để cho bọn chúng bóp méo vo tròn mà miền Nam đã chứng tỏ được cái bản lãnh quật cường của người dân miền Nam. Những đợt vượt biên, vượt biển bắt đầu.

Sáng hôm sau khi mặt trời vừa lên, một đoàn xe Molotova chờ sẵn bên đường. Xuất phát từ Lâm Thao, qua Yên Lập, Ba Khe rồi đến Bản Kéo thuộc huyện Văn Chấn (Nghĩa Lộ), tỉnh Hoàng Liên Sơn. Cũng theo lộ trình này, năm 1976, cấp tá được chuyển qua bờ Tây sông Đà, đến tận Sơn La như Thiếu Tá Trần Văn Hợp, Trung Tá Nguyễn Đăng Tổng (*Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 258 TQLC*). Họ đã bỏ xác ở đây vì ngộ độc thức ăn, do đói quá phải đi tìm thức ăn trong rừng. Ở đây rừng rú cũng độc ác như con người.

Đã có bao nhiêu người ngã xuống trên vùng đất lam sơn chướng khí này. Nghĩ cho cùng chúng ta mới thấy cái thâm độc và dã tâm của chủ nghĩa Cộng Sản nói chung và đám lãnh đạo Hà Nội nói riêng. Những con đường loang lổ, không được sửa chữa từ nhiều năm nay. Những sạn đạo càng lúc càng lên cao, len lỏi giữa những dãy đồi khô khan cằn cỗi với những con đường ngoằn ngoèo, quanh co. Đây là những địa điểm phục kích lý tưởng của Việt Minh với những binh đoàn của Pháp. Người Pháp đã bỏ những vùng núi non này để về bảo vệ đồng bằng và đây đã trở thành những hậu phương của chúng. Hơn hai mươi năm sau chúng tôi được đưa trở lại đây. Để làm gì? Câu trả lời thật rõ ràng trong những lý thuyết căn bản của Cộng Sản:

*Mục tiêu sinh tử của việc phát động cuộc chiến là phải chiếm cho kỳ được chính quyền.*

Hồ Chí Minh đã hy sinh bao nhiêu triệu người để đạt cho được mục tiêu này, khi hắn tuyên bố:

***- Dẫn đốt cháy toàn bộ dãy Trường Sơn cũng phải chiếm***

## *cho kỳ được miền Nam.*

Hắn là đầy tớ, một con chó rất trung thành với đám quan thầy Liên Xô và Trung Cộng. Hắn rất hăng hái và cù cun tận tụy với sứ mệnh mà không cần biết đến xương máu của những người dân Việt.

Bước kế tiếp là đối với những người thuộc chế độ cũ thì phải đưa bọn họ từ trại tù này đến trại tù khác và cuối cùng đến Siberia. Lenin đã áp dụng điều này đối với những người thuộc chế độ Sa Hoàng. Siberia là vùng đông đá của Nga Xô, trong khi Hoàng Liên Sơn là vùng lam sơn chướng khí của Việt Cộng. Tù miền Nam được nhốt tại những nhà tù như Sơn La, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Thác Bà, Nam Hà, Thanh Chương, Vĩnh Phú,..

Người Kinh sinh sống ở đây rất ít, mà chỉ có những dân tộc thiểu số như Mán, Mường, Mèo, Lô Lô và Thái... Họ sống bằng nghề nông trên những đám ruộng nấc thang hoặc trồng lúa nương trên những ngọn đồi mà họ đốt hàng năm. Đời sống du canh du cư bị giới hạn, nhưng chế độ Cộng Sản cũng chẳng giúp họ cải tiến được gì trong đời sống hằng ngày. Điều kiện sinh hoạt thật là đơn sơ và thô lậu. Chỉ có những tấm bảng khẩu hiệu dọc trên đường chúng tôi đi qua cố gắng trang điểm cho cái bộ mặt quê mùa và cộc mịch của chế độ... Những khẩu hiệu ca tụng Trung Cộng như là:

*Tình hữu nghị Việt Trung muôn đời bền vững,  
mãi mãi xanh tươi...*

*Việt Nam Trung Quốc núi liền núi, sông liền sông.  
Môi hở răng lạnh...*

Thôi thì ca tụng đủ điều. Để rồi khi chửi nhau cũng lắm điều cay đắng. Chỉ có điều họ là những người không hề biết ngược. Cùng một đám quân mặt dày. Cái gọi là đạo đức “xã hội chủ nghĩa” đã tạo nên những con người không còn bản chất người, mà là bản chất của một loài thú dữ.

Chúng tôi được đưa đến một cái trại trong vùng thung lũng

có những ngọn núi bao chung quanh. Những dãy nhà bằng tre nửa và cây rừng còn đang dang dở. Dấu vết để lại cho chúng tôi biết, cũng phe ta thôi, họ là những người ra đây trước. Công việc của họ còn đang dở dang và mới di chuyển qua một nơi khác trước khi chúng tôi đến đây không lâu. Một vài người còn để lại tên họ cấp bậc và binh chủng. Tôi không thấy một người nào quen ở đây. Để bù lại có những người bạn cùng khóa như Trần Thanh Chương (ND), Cao Phát Minh (Quân Báo), Đoàn Văn Xường (BĐQ), Phạm Văn Hải (ND) cũng còn ở chung. Ít nhất chúng tôi cũng có 4 người bạn cùng Khóa 22 Đà Lạt đáng tin cậy và tâm sự được. Những người bạn cũ từ trại Hóc Môn như Đào Kim Trọng, Nguyễn Phú Tài, Phan Xuân Vũ.

Người đội trưởng bây giờ là Phan Huy Bách, đại úy phi công F5E, con của Thủ Tướng Phan Huy Quát. Sau năm 1975, Ông Quát bị bắt nhốt và chết tại nhà giam Chí Hòa. Bách là người rất mẫu mực trong đời sống, rất sạch sẽ, không có ý định hại anh em theo chỗ tôi biết. Bách là người tốt.

Ngày đầu tiên chúng tôi được cho nghỉ ngơi tắm giặt. Trước trại có một con suối chảy qua rộng độ bảy thước. Suối cạn, đầy đá sỏi và nước trong vắt. Bây giờ là mùa Hè, trời nóng như thiêu đốt mà được ngâm mình dưới nước thì thật là thích thú. Rồi đem đồ thắm nuôi ra ăn chung với nhau. Dĩ nhiên là cũng có phần dè xèn vì không biết đến bao giờ mới được thắm nuôi kế tiếp. Chúng tôi được phép viết thư về cho gia đình. Sau này mới biết thư này đã không được gửi đi.

Buổi sáng ngày thứ Ba, sau phần ăn sáng là củ khoai mì luộc, chúng tôi được lệnh đem toàn bộ tư trang bày ra trước lán để kiểm tra. Chúng tôi đã quá quen với công việc tước đoạt một cách trắng trợn này từ ngày bước chân vào trại tù. Mọi người đều trải một tấm poncho hay một tấm vải dầu trên mặt đất rồi bắt đầu bày hàng. Mùng, mền, quần áo, vật dụng cá nhân như chén, muỗng, bàn chải đánh răng,... thuốc tây và sau cùng là thức ăn đủ loại như cá khô, chà bông lạp xưởng, lạp



dục, các loại bột,... Người nào gia đình, vợ con lo cho đầy đủ thì nhiều quà, còn những người gia đình khó khăn thì ít hơn.

Bao quanh chúng tôi là toàn bộ vệ binh và cán bộ của trại. Chúng bu lại như những bầy ruồi bọ. Sau phần giáo đầu của tên trại trưởng, chúng bắt đầu tước đoạt một cách không thương tiếc. Trước hết toàn bộ thuốc Tây bị gom lại, chúng bảo sẽ đưa lên trạm xá. Toàn bộ thức ăn được gom lại. Chúng bảo sẽ đưa vào nhà bếp ăn chung. Nồi niêu, soong chảo, lon guigoz, chúng gom hết. Chúng bảo trong cái gọi là “Xã Hội Chủ Nghĩa” mọi vật đều là của chung. Thế không biết chúng đặt ra tiêu tảo và đại tảo để phân biệt cái gì. Chỉ tội nghiệp anh chàng Lâm Đại Tông, Đại Úy Cục Tâm Lý Chiến, con trai của nhà hàng nước mía Viễn Đông, mang cả một tiệm tạp hóa từ Nam ra đây. Anh chàng Lê Văn Châu, cái pharmacy lưu động. Anh chàng Võ Văn mất cái điều cày có chạm trở rồng châu phượng múa trên đó. Tôi cũng có cái lược có khắc hai chữ C.T. và ngày cưới thật là ưng ý, cũng bị tước mất. Đối với bọn rừng rú này thì cái gì cũng mới lạ với bọn chúng, cái gì cũng cũng thích hết. Có rất nhiều thứ hoàn toàn xa lạ với bọn chúng mà làm bộ ta đây hay lắm:

- Trại ta đã có điện mà các anh đem đèn cầy làm gì lắm thế.

Tội nghiệp! Lạ xưởng đó mấy chú mán ạ.

Dầu sao, nhìn chúng đem những xe cải tiến chở đi mà mình xót cả ruột. Bao nhiêu công khó đèo bồng từ Nam ra Bắc. Bao nhiêu tiền bạc của cha mẹ, vợ con chắt chiu. Chúng tôi chỉ biết lặng lẽ nhìn nhau. Thôi thì còn cái mạng cùi này đây.

Cha mẹ cho ta cái thân xác, nhưng Chúa mới là người định đoạt.

Thôi hãy giữ cho lòng mình thật bình yên. Chúng ta đang bước đi trên bước đường tranh đấu và dĩ nhiên ai cũng biết chúng ta không phải là những kẻ dễ ngã lòng:

*Lòng ta vô sự ta vui vẻ,  
Bướm với hoa cùng bay nhón nhơ.*

*Mùa hạ tàn trôi trôi đám lửa,  
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ.*

*Tô Thùy Yên*

Những ngày sau đó chúng tôi được giao ba công việc chính:

- Vào rừng chặt giang, tre, nứa làm một hàng rào quanh trại như những hàng rào Ấp Chiến Lược hồi Đệ Nhất Cộng Hòa.

- Nhóm thứ hai chặt cây làm cột, làm sườn nhà. Cắt tranh lợp mái. Chặt mây chẻ lạt để buộc. Không có lấy một cây đĩnh mà những lán trại vẫn chắc chắn. Nhất là xây dựng một cái hội trường thật là đáng nể đối với những anh chàng Công Binh.

- Toán thứ ba đốn cây phá đồi để trồng khoai mì.

Tháng Năm trời nắng như đổ lửa, những chỉ tiêu được giao không phải dễ dàng đối với một số người. Còn tôi thì thuộc loại lính thú:

*Chém tre, đẽo gỗ trên ngàn  
Hữu thân hữu khổ phân nàn cùng ai.*

Bộ ba của tôi là Đỗ Minh Hưng (BĐQ) + Trần Thanh Chương (Dù) và tôi (TQLC) phối hợp tác chiến rất nhịp nhàng. Vừa làm vừa cải thiện. Làm gì kiếm ăn nấy. Vào rừng chặt giang nứa thì tìm măng, nấm mèo... Phá rừng đốn cây thì bắt rắn rết... nhất là những con rết rừng, dài cả hơn gang tay, thân hình tròn trịa. Đập đầu cho chết, quăng vào đồng lửa, lát sau đem ra lột bỏ da ngoài, ăn không thua gì gà xé phay. Vì không có gia vị nên không thể sánh với món đồ nhậu khoái khẩu mà Hoàng Dung đã làm cho Cử Chi Thần Cái Hồng Thất Công, để đổi lấy ba thể Giáng Long Thập Bát Chương mà ông ta phải truyền cho Quách Tĩnh.

Hai tháng sau có một vụ trốn trại đầu tiên của Đại Úy Nguyễn Văn Long. Anh đi được ba ngày, bị lạc trong rừng và bị dân địa phương bắt giữ và dùng gậy gộc đánh cho đến chết. Tôi và vài người trong trại đi khiêng về chôn ở triền đồi trên

đường vào trại. Chỉ có tấm nylon không đủ quấn tấm thân chết cứng co quắp. Toàn thân đầy máu đã khô cứng. Không có mộ bia, chỉ có mấy hòn đá trên đầu mộ Trại đa số là cấp đại úy, chỉ sót lại hai ông Trung Tá Nguyễn Văn Khản, thuộc Bộ Tổng Tham Mưu và Nguyễn Thượng Thọ, tức nhà văn Lê Huy Linh Vũ. Ông là Cục Trưởng Cục Điện Ảnh Quân Đội. Năm 1966 khi tôi đang học Khóa 22 Đà Lạt thì ông lên Trường Võ Bị thực hiện cuốn phim tài liệu về đời sống của một sinh viên sĩ quan do SVSQ Phạm Ngọc Đăng và người đẹp Hồng Quế, thư ký tòa Thị Chính Đà Lạt, nhà ở Suối Cát Nhà Bò, thủ vai chính.

Mùa Đông năm đó trời quá lạnh. Nghe nói trên đỉnh Fan si Pan, dãy Hoàng Liên Sơn có tuyết. Những ngày lạnh dưới ba độ chúng tôi mới được ở nhà. Trung Tá Nguyễn Văn Khản đã chết vì chịu đựng không nổi thời tiết khắc nghiệt và suy dinh dưỡng trầm trọng. Những đêm nhiệt độ xuống quá thấp, chúng cho làm một cái lò giữa lán để sưởi ấm. Ngồi chung quanh lò, nhìn ngọn lửa cháy bập bùng kể chuyện xưa mà ao ước một ly cà phê nóng, một tô hủ tiếu nóng, một tô phở Tàu Bay (*tên một hiệu phở ở Sài Gòn*) nóng. Cái gì cũng phải nóng mới tuyết.

### ***Trại Yên Bái (4/1978)***

Rồi mùa Đông cũng đi qua. Chúng tôi được chuyển về trại mới khoảng tháng 4/1978. Vùng này có khoảng chín trại giam. Chúng tôi ở trại trong cùng gọi là Trại 9, Liên Trại 1. Vùng này cũng núi non hiểm trở, nơi hoạt động chống Pháp của Ông Hoàng Hoa Thám, có biệt danh là Con Hùm Yên Thế. Đây cũng là địa bàn hoạt động của Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguyễn Thái Học cầm đầu, cũng là nơi của 13 vị anh hùng dân tộc bị đưa lên đoạn đầu đài.

Vùng này có nhiều đồi trà và nhiều nhà máy sấy trà.

Vẫn còn quân đội quản lý. Trại trưởng là một tên trung tá ốm nhách, cao nhòng, cái miệng rộng toạc nên tụi tôi đặt tên là

“Tur Cá Ngác”. Da mặt vàng đen sạm của những người bị sốt rét nặng. Hắn là thân chủ của Lê Đình Long tự là Long Trùn Hồ. Long có một phương thuốc trị sốt rét mà đám cán binh Việt Cộng cho là thần dược. Long thường vào rừng tìm những con trùn hổ, loại trùn dài hơn gang tay ở đây không thiếu, bỏ vào cây chuối rừng nướng lên, tán nhỏ rồi cho tụi nó uống. Thế mà tụi nó lại hết bệnh. Tôi cũng không hiểu nổi. Trong chúng tôi cũng có vài người bị sốt rét, nhưng chẳng có ai dám xài thuốc của ông thầy Long hết.

Tôi thích được đi đẩy cỏ trà. Ít nhất cũng hái được những nụ trà nhai nhỏ rồi uống một ngụm nước vào, cũng đỡ dành được phần nào cái bao tử trống trải buổi sáng. Trà vị đắng nhưng có nước vào thì chuyển thành vị ngọt dễ chịu. Có một lần tôi đãi cái dạ dày một chén trà và kết quả là bị say trà một bữa mà thấy trà ở đâu là sợ đó. Say trà còn dai dẳng hơn say thuốc lào mấy bậc. Nhiều khi cũng đi làm chung với những cô gái đi hái trà vào buổi sáng. Họ thường mặc quần áo lao động, mang giày vải, đội nón tai bèo, phía sau mang những cái gùi như thượng. Họ rất sợ những con vắt chui vào trong háng nên quần bên ngoài một cái xà cạp dày. Vừa làm việc vừa nói chuyện, phần nhiều là những câu chuyện tào lao và những câu chuyện tục tĩu mà họ cố tình cho bọn tôi nghe. Bản thân của họ cũng là những tù hình sự, trộm cắp hay đi điểm từ Hà Nội, Hải Phòng đưa lên đây để “cải tạo” lao động. Thật khác với câu chuyện Bà Chúa Chè của nhà văn Nguyễn Triệu Luật.

Tôi nhớ có một lần, đội của tôi cũng do Phan Huy Bách làm đội trưởng được lệnh vác củi vào nhà bếp của một trại nữ. Lúc đi về, tên vệ binh dẫn đi vòng ra sau bếp để về trại cho nhanh hơn, vì trời tối rồi. Lúc đi ngang qua giếng có mấy cô đang tắm, trần truồng như nhộng. Có vài cô quay đi, vài cô tỉnh bơ kỳ cọ, vài cô cười hóm hỉnh:

- Ứng hộ các anh tí, tụi bay ơi...

- Nhòm tí đi cho đỡ nhớ, các anh ơi.

Rồi họ cười vang, có vẻ khoái chí lắm. Ba năm rồi còn gì. Hồi trước ở trong vùng hành quân chừng một tháng là đã thấy nhớ... rồi. Ra thành phố là phải double ngay. Về tới trại tụi bạn xúm lại hỏi... xơ múi gì được không? Làm được chớ gì, chỉ thêm tức dái. Nói thế chứ cũng khoái. Tự hứa với lòng... nếu lần sau có đi vác củi thì phải nhìn kỹ hơn. Nhưng mà lần sau chẳng bao giờ đến nữa.

Tháng 8 năm đó có một số anh em trong trại nhận được gói quà 3 kg kèm theo một tin rất vui mừng là người nhà ở Sài Gòn đã được Ủy Ban Quân Quản của thành phố (*Việt Cộng*) gọi lên để làm giấy bảo lãnh cho những người đang “cải tạo” tại miền Bắc. Ai nấy cũng bàn tán xôn xao. Nhiều người rất hy vọng và tin tưởng. Có người dám nói là sẽ về trước ngày 2/9 này nữa. Đúng ngày đó chúng tôi được ở nhà và ăn tươi, nghĩa là ăn cơm với thịt trâu. Buổi sáng tập họp lên hội trường để nghe Phạm Văn Đồng đọc diễn văn. Khi đề cập đến những người của chế độ cũ hiện bị giam giữ, Đồng đã nói:

*- “Bọn chúng là những người có nhiều nợ máu với nhân dân, đáng lẽ phải đem ra bắn hết, nhưng đảng và nhà nước khoan hồng để cho chúng cải tạo lâu dài...”*

Tất cả đều bất mãn, thất vọng. Toàn là những đòn phép lừa đảo, gian manh. Nhiều người xuống tinh thần thấy rõ. Nhất là những người ở lứa tuổi 50. Trung Tá Vinh, cựu Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù đã chết những ngày sau đó. Tôi cũng bị một cơn bệnh hiểm nghèo. Bệnh kiệt lực. Đi cầu cả ngày đêm. Tôi gần như là người vì kiệt sức. Thật ra bệnh này chỉ có vài viên thuốc trụ sinh là dứt. Nhưng ở đây thì làm gì mà có. Trạm xá chỉ cho vài viên thuốc xuyên tâm liên trị bách bệnh. Bạn bè rất lo lắng, nhất là Chương và Xường. Hai đứa đi tìm những trái khế chua cho tôi ăn. Tôi nằm liệt mười ngày mới hồi tỉnh lại. Ngày thứ 11, chúng bắt đi làm. Chân tay còn run rẩy nhưng cũng cố gắng đi theo bạn bè. Ánh nắng ở trên đồi cỏ trống trơn làm cho tôi thấy chóng mặt quay vòng. Tôi ngã xuống bất tỉnh. Bạn bè phải khiêng về trại. Lần

này chính tôi cũng xuống tinh thần. Nhưng tôi nghĩ lại chết như thế này thì nhục quá. Bao năm chiến đấu, bao lần máu đã đổ ra, tôi vẫn sống vững mạnh. Không lẽ chết tủi nhục trong nhà tù Cộng Sản hay sao? Tôi không muốn “*mô đất lạ chôn vùi thân bách chiến*” chút nào hết. Không thể nào chết một cách lãng xẹt thế này được. Phải sống chứ! Yếu tố tinh thần rất quan trọng. Tôi đã đứng dậy nên không còn nằm xuống nữa. Tôi đã quyết định bước đi nên không muốn để rơi rớt dọc đường. Trong hoàn cảnh này bạn bè là yếu tố quan trọng. Chương đi bán bộ quần áo civil còn lại để đổi lấy đồ ăn cho tôi. Xường tìm được cái ăn được thì đem về. Đỗ Minh Hưng, Bùi Quang Thắng cũng tham gia vào chương trình cứu trợ này.

Một tháng sau tôi bình phục trở lại. Đó cũng là lúc chúng tôi phải chia tay. Chương, Xường, và Thắng về trại Thanh Chương, Vĩnh Phú. Trước khi chia tay tôi chỉ yêu cầu Xường hãy cẩn thận. Trốn trại bây giờ khó khăn lắm. Để khi nào về lại miền Nam rồi hăn hay. Phải biết kiên nhẫn mới được.

(Còn tiếp)



# MẸ TÔI

*Mũ Xanh Phạm Văn Tiền, K20*



Tôi chào đời ở một làng nằm ven thị trấn, nơi có khu rừng ngút ngàn và những cánh đồng thẳng tắp màu mạ mới. Lúc lên bốn tuổi đã biết chạy giặc Tây với câu hát nằm lòng mà tôi đã thuộc không biết tự lúc nào,

- “Mới sớm mai thằng Tây nó bố vô rừng ta quyết trốn, bà con ta vừa khóc vừa la đồn khắp từ phương xa.”

Mỗi lần Tây bố cha và anh chạy một nơi, còn mẹ và chúng tôi chạy một nơi, nhiều khi cả tuần lễ mới gặp nhau tại nhà sau khi chúng rút. Lần cuối cùng khi theo mẹ trở về thì căn nhà xinh đẹp chỉ còn là đống tro tàn còn đang âm ỉ cháy, gia sản suốt cả đời ông nội đã để lại cho cha. Bà bác họ đang nằm rên rỉ bên cạnh mấy bụi chuối sau nhà mình đầy vết máu tươi vì vừa bị Tây hiếp. Cha và anh cũng tức tốc trở về từ rừng sâu sau nhiều ngày trốn giặc.

Lần đầu tiên hương vị cay đắng của cuộc đời đã thấm sâu

vào đầu óc non nớt của một trẻ thơ khi thấy mọi người cùng té nhào ra khóc, những giọt nước mắt tức tưởi nghẹn ngào để tiếc thương cho cả gia sản đã được gầy dựng bằng mồ hôi nước mắt từ bao đời của tổ tiên dành dụm để lại. Như cố đè nén lại nỗi đau cùng tột này, cha vẫn là người bình tĩnh vội vã chạy múc từng gàu nước từ giếng sâu hầu dập tắt đám cháy, mẹ và các anh chị gắng sức bòn mót những gì có thể dùng được từ những mất mát quá lớn lao. Cửa cải giờ đây chỉ còn lại chiếc xe bò cũ kỹ, cọc cạch cùng những manh áo rách tả tơi. Sáng hôm sau gia đình tôi đành phải dọn về một nơi khác, ở đó có bà cô họ đang sống không còn phải sợ cảnh Tây bố rấp hàng ngày.

Thị trấn tôi đến có nhiều dãy phố nằm sát nhánh sông Vàm Cỏ nước ngọt quanh năm, chợ họp tan tùy theo con nước lớn lên xuống mỗi ngày, nằm gọn lỏn vào ngã tẻ của Quốc Lộ 13 dẫn qua hai chiếc cầu đúc xinh xắn. Đối diện bên kia sông là bến xe đò chở khách, cầu trên dẫn về rạp hát lớn “Phương Lạc” thị xã, còn bến tắm ngựa nằm ngay chân cầu dưới sau khi đã qua rạp hát “Tân Lạc” nơi đùa giỡn của bọn con nít mỗi chiều khi tan học về. Niềm sung sướng nhất của tôi là đứng trên lan can cầu nhắm mắt nhảy ùng xuống nước để rồi ngụp lặn theo những đám lục bình đang chảy xiết, cùng chúng bạn tát nước vào mặt lẫn nhau.

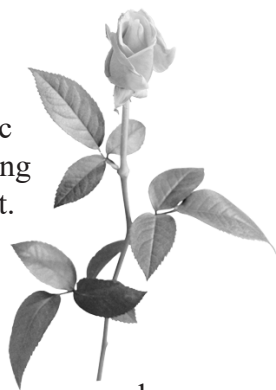
Cả gia đình chúng tôi được nhét vào một cái chòi nhỏ lọt bằng tranh sớng nhờ vào lòng từ tâm của người khác. Hàng ngày cha mẹ cùng các anh chị phải trở về làng cũ để bòn kiếm những gì có thể ăn được để mang về. Không có gạo để ăn, cả gia đình sống nhờ một loại củ đặc biệt mọc ở trong rừng, loại củ nần đây có gai như củ khoai từ, không tiền để mua nên phải dùng muối thay cho nước mắm. Mọi người ai cũng tất bật sinh nhai nên chẳng ai để ý đến tôi, người con trai út được cả nhà nuông chiều. Tôi đã trở thành đứa trẻ lang thang không quần áo cùng chúng bạn vui chơi suốt đầu trên xóm dưới, từ sáng tới chiều, ai cho gì ăn nấy, không hiểu được những khó khăn



mà gia đình đang gặp phải.

Tôi mãi mê những trò chơi riêng của mình tùy theo thời tiết mỗi mùa quanh năm suốt tháng. Thỉnh thoảng thì tôi cũng kiếm được năm ba đồng đủ để ăn được tô hủ tiếu, nhờ đi lượm hột cao su nơi khu rừng bên cạnh nhà thờ hay vác cuốc đào bắt hàng chục con dế đá đem ra chợ bán lại cho con của mấy người nhà giàu ở chợ. Tôi đã biến căn nhà trọ của gia đình thành cái sở thú bé nhỏ nơi nuôi tất cả những con vật mà tôi đã vất vả mang về, suốt ngày đi tìm cào cào châu chấu giữa trời nắng chang chang để nuôi những con chim mà tôi đã bắt được ngoài đồng.

Thỉnh thoảng thì tôi cũng bị mẹ đánh đòn về những việc làm vô ích này vì sợ tôi bị bệnh. Đã nhiều lần bà ra tay phóng thích các con chim mà tôi nuôi được trong lồng, trong đó có con “cưỡng” đang tập nói tôi thích nhất. Phản ứng lại, tôi òa khóc và giận dữ đến nỗi không thèm ăn cơm chiều hôm đó. Dù vậy nhưng tôi vẫn chứng nào tật ấy. Mẹ rất bực mình, để chấm dứt tình trạng lêu lổng của tôi không gì bằng gửi đến trường nhờ cô thầy chỉ



dạy. Mới hơn năm tuổi chẳng ai nhận vào trường, mẹ phải dắt tôi chạy ngược chạy xuôi để nhờ làm khai sanh cho đủ bảy tuổi đi học. Mặc dầu ăn uống thiếu thốn, nhưng tôi là một đứa trẻ lớn con nên việc được nhận học thật dễ dàng. Các chị tôi cũng vậy đều được cấp sách đến trường như bao đứa trẻ khác, chỉ trừ anh tôi là cột trụ của gia đình phải phụ giúp ba tôi nên đành thất học.

Tôi học ở trường tiểu học Bồ Túc Lái Thiêu, một trường công lập duy nhất tại quận. Tôi là một học sinh tệ nhất của lớp trong những năm đầu, không bao giờ thuộc bài mà lại còn hay ba gai đánh lộn, tập sách đi thì có mà về thì không, bao nhiêu lần bỏ quên ở lớp đều bị mất hết, mẹ tôi phải sắm đi sắm lại nhiều lần. Một lần tôi đã mang hộp dế đá vào trong lớp trong

lúc thầy kêu lên bảng trả bài. Tôi đang ú ớ chẳng biết thầy hỏi cái gì thì nơi chỗ tôi ngồi con đế lại cất tiếng gáy “te te”, tức quá thầy nện cho tôi mấy hèo roi mây và bắt ra sân quỳ gối.

Chuyện bị thầy phạt đối với tôi coi như là những chuyện thường ngày. Mẹ tôi đã được thầy mời đến mắng vốn nhiều lần, còn tôi thì cứ nài nỉ mẹ xin nghỉ học, nhưng mẹ nhất định không cho. Cứ thế mà tôi vẫn từ từ bò lên tới lớp cuối của bậc tiểu học, không năm nào bị ở lại. Mẹ cho rằng nhờ có ông bà độ. Tôi học rất dốt toán nhưng có cái hay là bất cứ bài thơ văn nào chỉ cần nghe qua một lần là thuộc. Theo thầy nói là bài thi “Luận Văn” của tôi khi tốt nghiệp được chấm điểm khá, còn “Toán” thì chỉ được 1 hoặc 2 điểm gì đó.

Năm đó lần đầu tiên trong cuộc đời đi học tôi được thầy cho lãnh thưởng, nhưng là phần thưởng dành cho học trò nghèo, được mấy xấp vải trắng để may đồ do một vị hảo tâm tặng. Mẹ tôi mừng lắm đem khoe cả làng cả xóm “thằng con tôi học giỏi được lãnh thưởng kỳ này”. Người mẹ nào cũng vậy suốt đời luôn hãnh diện về đứa con mình, mặc dầu biết sự thật là con mình chẳng bằng ai. Ôi! “*Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào!*”

Năm 1956 là năm tôi tốt nghiệp tiểu học, lần đầu tiên miễn lên trên tỉnh để thi. Thấy cha và anh quá cực khổ hàng ngày dài nắng dầm mưa từ sáng tinh mơ cho đến khi chiều tối để có miếng ăn, vả lại biết mình học hành chẳng ra gì nên tôi nài nỉ mẹ xin nghỉ học, nhưng mẹ nhất định không cho. Mẹ quyết định các chị tôi phải nghỉ để dồn sức lo cho tôi. Mẹ bắt tôi làm đơn thi vào trường Trịnh Hoài Đức, trường trung học công lập đầu tiên của tỉnh.

Một chữ cũng thi, hai chữ cũng thi, biết đâu học tài thi phận. Khi công bố kết quả tôi chẳng muốn đi nghe làm gì vì tôi đã phải cắn viết trong phòng thi. Mẹ chẳng chịu thua phải đạp xe hơn bảy cây số để đi nghe một mình vì biết đâu có quới nơn phù trợ. Lúc về mẹ buồn lắm vì chẳng thấy tên đứa con

cung của mẹ đâu cả.

Nhà tôi đang ở trong xóm lò gốm đa số sống được nhờ làm công nhân để sản xuất ra chén tô, bình bông. Lúc bấy giờ là thời bình nên ai cũng có một đời sống tương đối. Tôi đã biết chút đỉnh nghề này nhờ theo học ở các người lớn tuổi, tôi xin mẹ đi làm vì biết mình chẳng có khiếu nào để học nữa. Mẹ giận dữ và cương quyết bắt tôi tiếp tục học dù phải đóng tiền học ở trường tư. Ở quận chưa có trường trung học tư thực nào nên đành phải lên tỉnh học. Nhờ người quen dẫn dắt mẹ đã đóng tiền cho tôi vào lớp Đệ Thất Trường Trung Học Bán Công Phú Cường, thị xã Bình Dương với học phí mỗi tháng 120 đồng. Trường là những mái nhà lợp tôn nằm trên một đỉnh đồi cao cùng với ngôi chùa “Bửu Tự” có đường ăn thông lên bệnh viện tỉnh. Mẹ vay tiền sắm cho tôi một chiếc xe đạp mới toanh hầu bảo đảm đi đường xa.

Từ Lái Thiêu hàng ngày tôi phải đạp xe đến trường đi và về mỗi lượt là 11 cây số. Mẹ phải thức dậy thật sớm mỗi ngày để lo phần cơm cho tôi ăn vào buổi trưa. Những ngày đầu tôi còn theo chúng bạn bỏ học đi đá banh, hoặc vào rừng dùng “ná” bắn chim, hay rình bắt những ổ sóc con mới đẻ, tập võ trống rỗng chẳng có ghi được một chữ nào. Nhà trường gửi thư về báo tin cho mẹ, mẹ rất buồn và giận dữ bắt tôi nằm xuống trừng trị hơn chục hèo roi mây. Mông tôi bầm tím được chị tôi mang vào nhà tắm để tắm,

Lần đầu tiên tôi thấy mẹ buồn và khóc thật nhiều, các chị tôi cũng thế, thường khuyên tôi hãy ráng học đừng làm mẹ buồn,

- “Em coi trong xóm có đứa nào được đi học như em đâu? Chị cũng muốn đi học lắm mà mẹ đâu đủ sức, chỉ có lo nỗi mình em.”

Bắt đầu từ trận đòn đau này tôi mới thấm thía thế nào là tình thương của mẹ. Tôi đã thật sự ân hận về những việc làm của mình, tôi lánh xa những thằng bạn bỏ học ham chơi để bắt

đầu vào việc học

Những bài toán không hiểu tôi nhờ những người bạn cùng lớp giỏi hơn giúp đỡ. Nhờ vậy mà từ một học sinh đội sổ tôi đã ngoi lên được hạng trung bình vào cuối năm Đệ Thất. Vào dịp nghỉ hè năm ấy tôi đã nộp đơn thi lại vào lớp Đệ Lục Trường Trung Học Công Lập “Trịnh Hoài Đức” của tỉnh tại Búng. Hơn mấy trăm học sinh dự thi nhưng tôi đã lọt được vào hạng hai trong số năm thí sinh được tuyển. Nhờ may mắn tôi đã trúng được bài toán tử của thầy vừa mới dạy, cộng thêm vào bài luận văn xuất sắc của mình. Hơn ai hết mẹ tôi là người mừng và hãnh diện nhất.

Trường nằm giữa cánh đồng lúa về bên phải quốc lộ từ Lái Thiêu đến Bình Dương, một dãy nhà lầu cao hai tầng trắng toát màu vôi mới, trai gái học chung. Sau này thì nữ sinh tách riêng về một ngôi



trường khác. Trường Nữ Trung Học Trịnh Hoài Đức cách đó không xa về hướng chợ Búng, có xe lửa chạy xình xịch qua lại mỗi ngày. Tôi vẫn là một học sinh không mấy khá trong lớp suốt năm học ấy. Để chuẩn bị cho năm lên Đệ Ngũ, mẹ tôi đã cho học thêm ba tháng hè. Những bài vở nào không hiểu tôi nhờ bạn giúp đỡ, hay học thêm các sách luyện bài tập tại nhà. Tôi học ngày học đêm kể cả quên ăn, quên ngủ. Mẹ tôi thường nhờ mấy người bạn mua thêm các sách cũ bán đầy các vỉa hè đường phố Sài Gòn.

Năm 1960 tôi đã qua được kỳ thi “Trung Học Đệ Nhất Cấp” ngay trong kỳ nhứt dễ dàng, với tỷ lệ đậu 7% trên toàn quốc. Bắt đầu lên Đệ Tam thì xảy ra cuộc đảo chánh đầu tiên. Chân dung Ngô Tổng Thống bị hạ bệ xuống để rồi treo lại sau đó vài ngày. Lòng tôi vui mừng được hát lại bài Suy tôn Ngô

Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm, vào mỗi sáng thứ hai chào cờ.

Tôi vẫn tiếp tục việc học hành, còn chuyện gì đã xảy ra ngoài xã hội tôi không biết gì hết. Đó là chuyện của người lớn; chuyện quốc gia đại sự. Thấy cha mình phải vất vả lao động hàng ngày để chạy cơm từng bữa tôi muốn ra đời sớm để có tiền giúp đỡ gia đình. Vì chương trình học của lớp Đệ Tứ và Đệ Nhị giống nhau nên tôi xin xin mẹ cho tiền để tôi học nhảy lớp. Vẫn giữ chân lớp Đệ Tam ở trường công ban ngày và học thêm ban đêm tại trường tư thục. Tôi phải mang theo chiếc xe đạp cùng với chiếc xe đồ Đồng Hiệp mỗi tận trường Văn Hiến, Đakao Tân Định.

Nhưng sức người có hạn chỉ được vài tháng sau thì tôi bị kiệt sức mang vào chứng mất ngủ. Mẹ tôi lại càng lo lắng và cực nhọc vì tôi. Đi khám bác sĩ lúc đầu chỉ cho thuốc an thần nhẹ; nhưng bệnh càng lúc càng nặng hơn nên có giấy bác sĩ nhờ chuyển lên bệnh viện tỉnh sau đó phải xin nhập viện bệnh viện Chợ Rẫy Saigon. Bác sĩ Thạc Sĩ Bùi Quốc Hương... cho đi chụp đầu nhưng cuối cùng theo ông thì phải tập thể thao nếu cần thiết thì phải nghỉ học thì mong mới qua khỏi được. Mẹ tôi buồn lắm nhưng nhất quyết là tôi phải tiếp tục việc học của mình không bỏ cuộc.

Tôi vẫn tiếp tục lên lớp Đệ Tam. Trong kỳ thi thể dục hằng năm của trường tôi bị liệt vào hạng sức khỏe kém. Dù vậy cả hai năm Đệ Tam và Đệ Nhị tôi vẫn được lãnh thưởng vào cuối năm học về môn sinh ngữ Anh và Pháp. Chuyện học nhảy lớp để thi Tú Tài Phần I coi như bỏ cuộc.

Trường bây giờ được bao quanh với hàng phượng vĩ đỏ thắm mỗi độ Hè về, có sân vận động phía sau và thêm phòng thí nghiệm. Hôm cất băng khánh thành bom plastic đã nổ làm bị thương nhẹ một số nữ sinh về phía dàn chào. Ngày hôm sau công an tỉnh đến bắt Mỹ, Thuận và một số học sinh khác ở lớp dưới. Chiến tranh bắt đầu nhen nhúm lại, lan rộng khắp nơi

kể cả sân trường. Lớp học dần dần thưa đi ở những năm học cuối cùng, một số thi rớt nản chí bỏ học nữa chùng. Phần còn lại đang sống trong vùng kềm kẹp Cộng Sản phải vào “bung” kháng chiến. Số còn lại ở vùng quốc gia thì tình nguyện lên đường tòng quân nhập ngũ.

Các thầy bị động viên vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, riêng Gi bạn tôi bỏ học nữa chùng năm Đệ Nhất để thi tuyển vào Khóa 19 SVSQ Võ Bị. {Khóa 19 lấy Tú Tài Hai “toàn phần”, chỉ nhận vài người có Tú Tài Phần Một, nhưng phải đậu kỳ thi tuyển.} Vì lớp Đệ Nhất năm thứ nhì của trường, học sinh chẳng bao nhiêu nên trai gái phải học chung và việc ra đi của Gi là điều bất ngờ chung cho cả lớp.

Vài tháng sau, tôi nhận được thư Gi từ tay thầy Giám Thị. Thư viết ngắn gọn về những sinh hoạt hàng ngày có kèm theo vài tấm ảnh, tôi thích nhất tấm ảnh Gi trong bộ quân phục đại lễ màu trắng có phù hiệu chữ “Alpha” đỏ chót trên vai và thanh kiếm sáng chia thẳng lên trời. Thư được chuyển cho cả lớp, ai nấy cũng đều vui mừng và hãnh diện về người bạn của mình, nhưng đặc biệt là H, cô nữ sinh hoa khôi của cả lớp.

Đây có lẽ là khởi điểm tình cảm của hai người mãi mãi về sau này. Phần tôi vẫn nhận được thư Gi đều đặn cho đến cuối năm học, Gi dặn thật tỉ mỉ về những gian khổ của tám tuần lễ huấn nhục đầu tiên, hãy cố gắng mà luyện tập thể xác cho nhiều. Chiều nào cũng vào sân vận động quận để tập chạy bộ.

Tôi đậu Tú Tài Phần II không mấy khó khăn ở kỳ thi đầu, việc còn lại chỉ là lo thủ tục để chờ ngày lên đường. Các người bà con của gia đình tôi kháng chiến chống Tây nay đã trở thành những tên CS nằm vùng, đã nhiều lần làm áp lực với cha ngăn cản không cho tôi nạp đơn nhập ngũ. Cha sợ không dám về lại mảnh vườn xưa để cày bừa làm rẫy như trước.

Đầu tháng 11 năm 1963 lại có thêm một cuộc đảo chánh nữa. Lần này một số tướng lãnh “nhân danh Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng” lật đổ chính phủ và bắt giết đi anh em vị

Tổng Thống. Mãi về sau này khi trưởng thành trong quân ngũ tôi mới biết rằng đây là điều sai lầm lớn dẫn đến sự tàn phá đất nước của tôi. Nơi thị trấn tôi ở, Cộng Sản đã đặt bom nổ và nhiều người chết hàng ngày, cuộc chiến đã thật sự bắt đầu ác liệt khắp mọi nơi. Tôi vẫn sống những ngày tháng bình yên trong khi chờ đợi giấy gọi lên đường nhập ngũ.

Từ nhỏ tới lớn chưa bao giờ tôi có dịp xa nhà, đây là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi đã phải đi xa nhất. Hôm tiễn tôi tại phi trường Tân Sơn Nhất, mẹ và các chị đã khóc thiệt nhiều. Chiếc phi cơ quân sự chao đảo một vài vòng rồi bay vút lên không trung, bỏ lại phía sau cả một vùng trời quê hương yêu dấu, nơi tôi đã cất tiếng khóc chào đời. Còn đâu những buổi chiều tan học chạy nhảy tung tăng ở sân banh gần nhà thờ và đêm về cha nằm đọc sách, mẹ thêu thùa kim chỉ vá may.

Chỗ tôi đến là vùng cao nguyên đất đỏ chạy dài bằng những đồi thông ngút ngàn, có tiếng thác nước chảy ào ào bên đỉnh Lâm Viên cao hùng vĩ. Đà Lạt là nơi sinh của nhiều loài hoa quý, hoa anh đào nở rộ vào mùa Xuân cùng mimosa, pensé và những cụm lan rừng.

“Hãy nhớ mang một vài cành hoa khi về phép.”

Phi trường Liên Khương vào tháng 12 với những cơn gió lạnh buốt xương nhưng ấm lòng tình người tiếp đón. Đời tôi đang chuyển qua một khúc quanh mới, khúc quanh của con đường lắt léo ghềnh cùng bao hồ sâu vực thẳm. Đứng bên này là đỉnh đồi còn bên kia trong tận cùng mắt hút.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tọa lạc trên đỉnh Đồi 1515, kiến trúc theo lối tân kỳ với nhiều dãy nhà cao tầng trắng toát màu vôi mới, nằm vuông vức trên miếng đất hình chữ nhật với con đường trải nhựa bọc quanh, mặt chính trông về ngọn núi Lapé Nord hùng vĩ. Muốn vào trong trường phải qua hai cổng chính, phạn điểm ở trong cùng dẫn về cổng sau Tôn Thất Lễ. Phòng ngủ gồm ba tầng lầu với các batiments thẳng tắp, nằm đối diện nhau cách khoảng bởi sân tập hợp.

Một bên ăn liền ra cổng chính bằng khu học văn hóa và bộ chỉ huy nhà trường. Bên kia khu nhà H, mặt sau hướng về Vũ Đình Trường Lê Lợi nơi chào cờ hàng tuần và các nghi lễ quan trọng.

Thế rồi tám tuần lễ huấn nhục cũng chậm chạp qua đi trong sự thèm khát chờ đợi, để rồi ba lô lên vai cùng súng đạn tiên chiếm đỉnh Lâm Viên cao ngút ngàn theo truyền thống hàng năm mỗi khóa. Lễ gắn alpha để chấm dứt thời gian huấn nhục đã được tổ chức vài đêm sau đó tại “Vũ Đình Trường” với sự hiện diện đông đủ của thân nhân và toàn thể cán bộ nhà trường.



**Lễ Khai Mạc tại Buổi Hội Ngộ Khóa 20 Nguyễn Công Trứ Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, kỷ niệm 56 năm mãn khóa.**

“Quỳ xuống Tân Khóa Sinh, Đứng Dậy Sinh Viên Sĩ Quan” mãi mãi là kỷ niệm đẹp nhất của người sĩ quan xuất thân từ trường Võ Bị. Chiến tranh khốc liệt đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên khắp miền đất nước. Các Khóa 19, 20, 21, chúng tôi chỉ thụ huấn vồn vẹn 2 năm và **Khóa 20 đã tốt nghiệp vào ngày 20 tháng 11 năm 1965.**

Những tin tức dồn dập về chiến trường đã hâm nóng bầu nhiệt quyết của tuổi trẻ chúng tôi. Biết là nguy hiểm và khổ cực như vậy nhưng anh em chúng tôi ai cũng muốn sống hùng sống mạnh, ai cũng muốn tình nguyện về những binh chủng



oai hùng. Hôm đến dự lễ mãn khóa mẹ chỉ biết kêu trời khi nhận được tin tôi tình nguyện về binh chủng TQLC; còn các chị tôi thì thích thú lắm. Như một chú nai tơ ngơ ngác trước ngưỡng cửa đời, chẳng biết gì về chiến tranh và cũng chưa bao giờ chứng kiến được những đau khổ mất mát của người khác. Ai đó có nằm xuống, có hy sinh, có bị tàn phế cũng chẳng sao việc đó chẳng liên hệ gì đến tôi. Tôi vẫn theo đuổi cái hào hùng mà tôi học được qua các sách báo, phim ảnh, và phải thú thật thì tôi quá mê bộ đồ trận rằn ri và chiếc mũ bê rê màu xanh thẫm đội nghiêng đầu. Tôi chỉ mang máng nhớ lại lời chỉ dạy của cha về những tội ác tày trời ách nước của đảng Cộng Sản Việt Nam từ khi họ cướp công của những người kháng chiến chống thực dân Pháp, trong đó có sự đóng góp bằng cái chết của chú Út tôi.

Ra trường 1965 khi vừa tròn 21 tuổi, với chức vụ thiếu úy trung đội trưởng tôi chỉ biết tuân lệnh thượng cấp khi xông pha ngoài trận mạc. Tôi chỉ biết xung phong không bao giờ lùi bước và trong trận thử lửa đầu tiên, đơn vị do tôi chỉ huy đã bị thiệt hại nặng nề. Cuộc chiến vẫn tiếp diễn và những người lính vẫn tiếp tục nằm xuống hàng ngày hàng giờ.

Là đơn vị “Tổng trừ bị QLVNCH” chúng tôi đã có mặt khắp nơi theo nhu cầu đòi hỏi, hiện diện khi chiến trường sôi động, từ mặt trận này đến mặt trận khác và chúng tôi chỉ rời khi tình hình lắng dịu. Sự sống còn của chúng tôi như là một phép màu nhiệm. Bao nhiêu năm chinh chiến là bấy nhiêu năm mẹ tôi mất ăn mất ngủ luôn khăn vải nguyện cầu. Mẹ đã ăn chay trường cạo đầu xuống tóc đi chùa lễ Phật để mong sao cho tôi được an lành, bao lần xông pha nơi tuyến đầu lửa đạn cùng biết bao lần thoát chết từ nanh vuốt tử thần, hai lần bị thương và hai lần mất tích đã làm mẹ suy sụp tinh thần.

Miền Nam bị cưỡng chiếm, tôi lâm cảnh tù đày. Mẹ nài nỉ cha nhờ mấy người bà con theo Việt Cộng để bảo lãnh tôi về, nhưng cha một mực cương quyết chối từ mặc dầu cũng rất nhớ thương tôi vì nghĩ là không được. Mẹ buồn vì quá thương nhớ

tôi trong suốt những năm tháng cuối đời, mẹ ngã bệnh khi hay tin tôi bị giam kỷ luật trong nhiều tháng trong hầm Conex lộ thiên giữa trời không cho gia đình thăm viếng. Cuối cùng mẹ đã kiệt sức trong mòn mỏi chờ tôi một ngày về. Tôi được tin mẹ mất vào năm 1983 lúc mẹ vừa tròn 67 tuổi.

Cuộc chiến nào rồi cũng qua đi, đời người rồi cũng sẽ chấm dứt, hình ảnh những bà mẹ Việt Nam sẽ còn mãi mãi và bất tử với thời gian. Hỡi những ai may mắn còn mẹ hãy cố giữ gìn và trang trọng như một bảo vật quý hiếm, chúng ta có thể có tất cả nhưng làm sao ta tìm lại được tình mẫu tử thiêng liêng. Nước mắt bao giờ cũng chảy xuống như những dòng sông muôn đời đổ ra biển cả, mẹ là ánh trăng sao sáng rọi chỉ đường dẫn dắt đàn con đại qua những đám mây đen tối. Tình mẹ cho con như biển hồ lai láng.



Xin cảm ơn cha, cảm ơn mẹ đã cùng sát cánh và dìu dắt con qua những ngày tháng ngầy thơ vất vưởng vào đời. Không nhờ những hy sinh cao cả của mẹ, của cha chắc rằng con sẽ không thể khôn lớn thành người!

Nhớ cha, thương mẹ biết làm sao bây giờ. Thời gian nghiệt ngã đã đánh mất tất cả và rồi ai cũng sẽ ra đi... Mẹ ơi! Mẹ ơi!!

**Arlington Texas; những ngày tháng giỗ Mẹ nhớ về Cha kính yêu.**